GLUCID

- Phân loại
  - Mono
  - Poly
    - Poly sacharid có đường
      - α.β saccarose
      - α.α maltose
    - KHÔNG CÓ ĐƯỜNG : glycogen
      - TINH BỘT
        - α-Dglucose amilose
        - [α-Dglucose] amilopectin
      - CELLULOSE: β glucose
- GLUCOSE

saccarose.

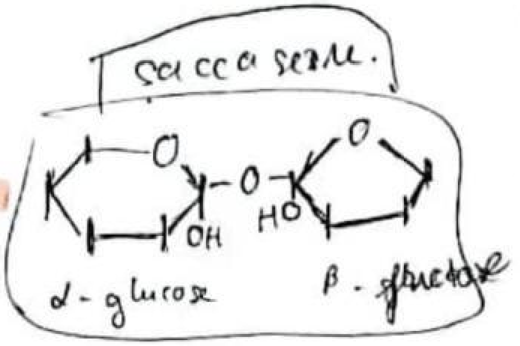

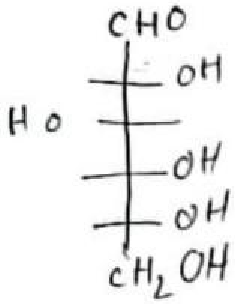

- ứng dụng:
  - Trong hoa quả, trong máu
  - Thuốc trợ lực,
  - Pha: huyết thanh; dd truyền

ACID CARBOXYLIC

- Danh pháp
  - acid formic
  - acid methanoic.

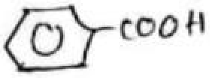

- acid benzoic
- acid benzen carboxylic

- TCHH:
  - TÍNH ACID: R-COOH
    - ↳ càng hút e thì tính acid càng tăng
  - P/Ư TẠO ESTER
  - P/Ư nhiệt phân acid di carboxylic.

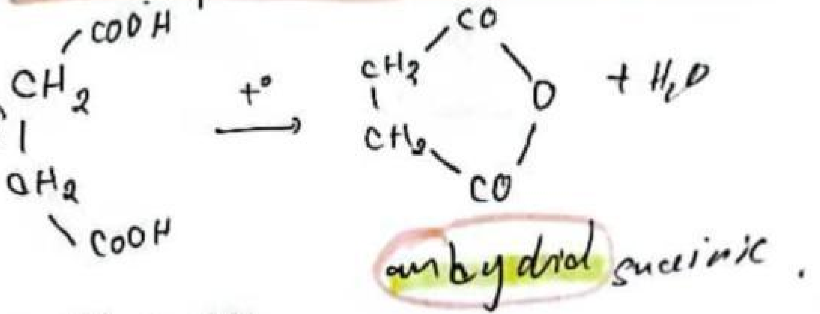

anhydrid succinic.

- ỨNG DỤNG
  - (E300) vit C acid ascorbic
  - acid malic (trong táo) [illegible]
  - acid acetic. (E260) (giấm ăn)
    - ↓ dung môi, Tổng hợp thuốc, chất thơm, phẩm nhuộm
  - acid béo
    - acid benzoic. (E210.)
      - kích thích niêm mạc, gây ho
      - sát trùng. ↳ b.quản T.Phẩm, D.phẩm
  - acid oxalic, (khế, me, cây bó xôi, cà rốt) Trong cơ thể: sỏi calci
    - acid fumaric (E297). (nhiều trong nấm, rêu); 1 ít trong TB động vật
      - $\xrightarrow[\text{trung gian}]{\text{vtrò}}$ chuyển hóa carb
  - acid succinic.

LIVEWORKSHEETS

ESTER

- ỨNG DỤNG
  - D.E.P (diethyl phthalat) → chữa ghẻ
  - METHYL SALICYLAT → xoa ngoài da, giảm đau cơ

HYDROXYACID { OH, COOH

- MỘT SỐ TÍNH CHẤT
  - TÍNH ACID R(OH)x(COOH) > RCOOH
  - p/u gãy mạch α hydroxyacid
    - gãy đầu mạch → ALDEHY
    - gãy giữa mạch → ceton.
  - TẠO PHỨC Fe^{3+} : phenol < lactic < salicylic < oxalic
    - phenol: tím nhạt
    - lactic: vàng
    - salicylic: tím thẫm
    - oxalic: vàng
  - ESTER HOÁ NỘI PHÂN TỬ → TẠO VÒNG.

- ỨNG DỤNG
  - LACTIC

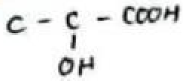

$$C-\underset{OH}{C}-COOH$$

    - phân huỷ GLYCOGEN → L(+): TÍCH TRONG CƠ → MỎI, ĐAU
    - lên men
      - Bacillus acidi laevolactici → D(-).
      - { Bacillus lactic acidi, Bacillus delbruckii → Racemic : CHỮA TIÊU CHẢY KIDS
  - SALICYLIC

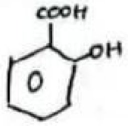

    - NATRI SALICYLAT : giảm đau hạ sốt
    - METHYL SALICYLAT : xoa bóp ngoài da giảm đau
    - ACID ACETYLSALICYLIC - ASPIRIN giảm đau hạ sốt

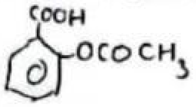

  - MALIC

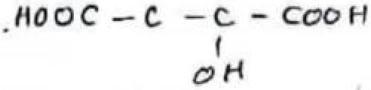

$$HOOC-C-\underset{OH}{C}-COOH$$

    : (NHO, TÁO) → THUỐC, TIÊM, CHỮA
  - GLYCOLIC

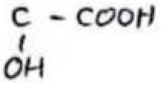

$$\underset{OH}{C}-COOH$$

    : (củ cải đường) → nc giải khát
  - CITRIC

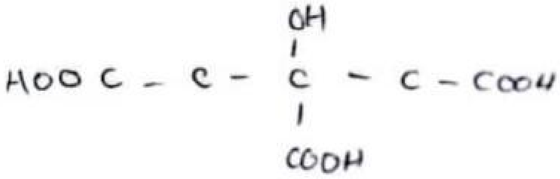

$$HOOC-C-\overset{OH}{\underset{COOH}{C}}-C-COOH$$

    - GIẢI KHÁT
    - GIẢI ĐỘC KIỀM
    - CHỐNG ĐÔNG MÁU
    - LÀM TAN SỎI THẬN